

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025
nguồn vốn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 36

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể:

1. Thống nhất kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2025 đối với dự án Khu tái định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi.

2. Điều chỉnh, giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 cho các dự án (Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm).

3. Bố trí vốn quyết toán cho 09 dự án là 13,697 tỷ đồng (Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 6 năm 2025.
2. Các nội dung khác đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết: số 59/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 về quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương; số 24/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2025 về điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia) không điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.
3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 36 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Bùi Thị Quỳnh Vân

Phụ lục tổng hợp

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

Nguồn vốn: Ngân sách địa phương

Nguồn vốn: Ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025	Điều chỉnh (Tăng/Giảm)		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh, giao vốn	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng (I+II+III)	4.050.930	-164.700	164.700	4.050.930	
I	Vốn XDCB tập trung của tỉnh	2.383.930	-20.700	20.700	2.383.930	
I.1	Phân cấp các địa phương	468.786			468.786	
I.2	Bổ trí cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án của tỉnh	1.915.144	-20.700	20.700	1.915.144	
1	Bổ trí quyết toán dự án hoàn thành	20.000			20.000	Chi tiết tại PL4
2	Đổi ứng ODA (bao gồm các dự án mới phát sinh)	2.500			2.500	
3	Vốn đổi ứng của tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình khác	421.067	0	-	421.067	
3.1	Đổi ứng Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (bao gồm bổ trí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; Cấp nước sạch nông thôn; Giao thông nông thôn)	387.859			387.859	
3.2	Đổi ứng Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	8.606			8.606	
3.3	Đổi ứng Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	24.602			24.602	
4	Đổi ứng các dự án sử dụng vốn NSTW	286.850	-20.700	3.300	269.450	
4.1	Đổi ứng kế hoạch trung hạn NSTW của tỉnh	214.350	-20.700		193.650	Chi tiết tại PL3
4.2	Đổi ứng vốn của Bộ Ngành trung ương	72.500			72.500	
4.3	Đổi ứng Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	-		3.300	3.300	Chi tiết tại PL3
5	Bổ trí vốn chuyển tiếp	878.433	-	-	878.433	
5.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang	50.000			50.000	
5.2	Dự án khởi công từ năm 2021-2024, chuyển tiếp sang năm 2025	828.433			828.433	
6	Chuẩn bị đầu tư	8.900			8.900	
7	Bổ trí vốn cho dự án khởi công mới năm 2025	257.394		17.400	274.794	Chi tiết tại PL3
8	Bổ trí cho các dự án từ nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	40.000			40.000	
II	Xổ số kiến thiết	125.000	-	-	125.000	
II.1	Bổ trí Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (bao gồm bổ trí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; Cấp nước sạch nông thôn; Giao thông nông thôn)	84.900			84.900	
II.2	Bổ trí thực hiện các dự án lĩnh vực y tế, giáo dục	40.100	-	-	40.100	
1	Bổ trí chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	-			-	
2	Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025	40.100			40.100	
III	Nguồn thu tiền sử dụng đất	1.542.000	-144.000	144.000	1.542.000	
III.1	Giao huyện, thị xã, thành phố tự thu - chi	443.000			443.000	
III.2	Bổ trí cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án của tỉnh	1.099.000	-144.000	144.000	1.099.000	
1	Bổ trí đổi ứng cho dự án sử dụng vốn NSTW	20.000			20.000	
2	Bổ trí vốn chuyển tiếp	947.000	-144.000	-	803.000	
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang	171.840			171.840	
2.2	Dự án khởi công từ năm 2021-2024, chuyển tiếp sang năm 2025	775.160	-144.000		631.160	Chi tiết tại PL3
3	Bổ trí vốn cho dự án khởi công mới năm 2025	132.000		144.000	276.000	Chi tiết tại PL3

Ghi chú:

1. Nếu bao gồm chi đầu tư phát triển khác từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 58.000 triệu đồng (được giao tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025) thì tổng chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi là 1.600.000 triệu đồng.

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất giao các địa phương thu-chi là 443.000 triệu đồng, trong đó đối với kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất, yêu cầu:

- 06 địa phương: Bình Sơn, Sơn Hà, Sơn Tây, Mộ Đức, Trà Bồng, Đức Phổ trích tối thiểu 20% từ dự toán chi đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất cho công tác đo đạc địa chính.

- 07 địa phương còn lại trích tối thiểu 5% từ dự toán chi đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất cho công tác đo đạc địa chính.

Phụ lục 1

ĐIỀU CHỈNH, GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: Triệu đồng

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương/Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn NSDP đã giao đến KH 2020	Đã bố trí vốn CBĐT giai đoạn 2021- 2025	Vốn bổ sung ngoài kế hoạch trung hạn (*)	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch năm 2025			Điều chỉnh KHV năm 2025 (Tăng/Giảm)				Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
				Số Quyết định Chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách tỉnh				Tổng cộng	XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng cộng	XDCB tập trung	Thu SDD	XDCB tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất		Tổng cộng	XDCB tập trung	Thu SDD	
																	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG SỐ				4.978.234	2.857.834	127.012	3.850	30.576	1.517.400	919.500	65.500	532.400	725.960	561.960	164.000	-164.900	164.900	-145.000	145.000	725.960	561.960	164.000	
(1)	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh				2.100.000	460.000	17.900	-	-	185.650	185.650	-	-	115.000	115.000	-	-34.700	30.000	-	-	110.300	110.300	-	
	Đổi ứng NSTW																							
1	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	2020- 2025	592/QĐ-UBND, 23/4/2020	1.200.000	400.000	17.900			125.650	125.650	-	-	85.000	85.000		-34.700				50.300	50.300	-	
2	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn IIb	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	2022- 2025	297/QĐ-UBND ngày 09/3/2022	900.000	60.000				60.000	60.000	-	-	30.000	30.000			30.000			60.000	60.000	-	
(2)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp				2.403.996	1.988.596	-	2.650	30.576	1.081.500	650.000	65.500	366.000	542.510	398.510	144.000	-124.600	124.600	-144.000	144.000	542.510	398.510	144.000	
	Đổi ứng NSTW																							
3	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh (Hạng mục: Khu điều trị cấp bộ trung cao, khu kỹ thuật cao, các khoa phòng chức năng và hạng mục phụ trợ)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022- 2025	2062/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	110.000	20.000		50		15.500	15.500	-	-	14.000	14.000		-2.500				11.500	11.500	-	
4	Trung tâm y tế huyện Sơn Tịnh	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022- 2025	2063/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	145.399	19.999		50		11.000	11.000	-	-	9.000	9.000		-8.000				1.000	1.000	-	
5	Trung tâm hội nghị và triển lãm tỉnh	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022- 2025	1386/QĐ-UBND ngày 11/10/2022	300.000	100.000		50		89.500	89.500	-	-	25.000	25.000		-5.500				19.500	19.500	-	
	Dự án chuyển tiếp																							
6	Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ	BQL DA ĐTXD các CT dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022- 2025	286/QĐ-UBND ngày 08/3/2022; 1520/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	96.058	96.058		50		91.000	91.000	-	-	50.910	50.910		-5.000				45.910	45.910	-	Hết nv chi, dự án HT
7	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	BQL DA ĐTXD các CT dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022- 2025	801/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	150.000	150.000		50		128.500	71.500	57.000	-	26.900	26.900		-11.500				15.400	15.400	-	Hết nv chi, dự án HT
8	Xây dựng trụ sở làm việc Thanh tra Tỉnh	BQL DA ĐTXD các CT dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023- 2025	1677/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	35.000	35.000		200		19.300	14.800	4.500	-	14.500	14.500		-13.700				800	800	-	Hết nv chi, dự án HT
9	Dự án Nâng cấp Trụ sở Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi	BQL DA ĐTXD các CT dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023- 2025	1577/QĐ-UBND, 14/11/2022	29.500	29.500		350		23.700	21.700	2.000	-	3.000	3.000		-1.300				1.700	1.700	-	Hết nv chi, dự án đả QT
10	Trụ sở làm việc Thanh tra Sở Giao thông vận tải	BQL DA ĐTXD các CT dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023- 2025	1541/QĐ-UBND, 08/11/2022	29.039	29.039		150		17.900	15.900	2.000	-	2.700	2.700		-2.100				600	600	-	Hết nv chi, dự án đả QT
11	Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế của ngành Y tế	BQL DA ĐTXD các CT dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023- 2026	33/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	350.000	350.000			5.576	264.500	149.500	-	115.000	339.500	224.500	115.000	-75.000		-115.000		149.500	149.500	-	
12	Trường Chính trị tỉnh (giai đoạn 2)	BQL DA ĐTXD các CT dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023- 2026	1606/QĐ-UBND, 30/10/2023	80.000	80.000			25.000	25.000	25.000	-	-	25.000	15.000	10.000		10.000	-10.000		25.000	25.000	-	Hoàn nguồn

	Trường THPT Lý Sơn	BQL DA ĐTXD các CT dân dụng và công nghiệp tỉnh	2024-2026	1791/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	79.000	79.000		200		50.000	49.000	-	1.000	32.000	13.000	19.000		19.000	-19.000		32.000	32.000	-	Hoàn nguồn
	Khởi công mới năm 2025																							
14	Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa, nước thải thành phố Quảng Ngãi lưu vực phía Nam hạ lưu sông Trà Khúc	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	2024-2027	957/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	1.000.000	1.000.000		1.500	-	345.600	95.600	-	250.000	-				95.600		144.000	239.600	95.600	144.000	
(3)	Sở Nông nghiệp và Môi trường				70.000	5.000	-	-	-	4.800	4.800	-	-	-	-	-	-	3.300	-	-	3.300	3.300	-	
	Đổi ứng NSTW																							
15	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước huyện Bình Sơn (Châu Long, Châu Thuận, Bình Yên, Lỗ Tây, Hồ Chuối)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2023-2025	129/QĐ-UBND ngày 31/01/2023	70.000	5.000				4.800	4.800	-	-	-				3.300			3.300	3.300	-	Năm 2024 vướng mặt bằng nên không giải ngân được KHV NSTW năm 2023 kéo dài
(4)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				100.450	100.450	-	1.000	-	69.150	63.650	-	5.500	46.450	46.450	-	-5.600	5.600	-	-	46.450	46.450	-	
	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025																							
16	Trùng tu, tôn tạo di tích quốc gia trên địa bàn huyện Lý Sơn (di tích Đình làng An Hải và Đình làng An Vĩnh)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2024-2025	1810/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	11.000	11.000		200		9.500	6.500	-	3.000	6.300	6.300			200			6.500	6.500	-	
17	Trùng tu, tôn tạo di tích quốc gia Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Trung bộ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2024-2025	1809/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	10.050	10.050		200		9.500	7.000	-	2.500	5.000	5.000			1.000			6.000	6.000	-	
18	Trùng tu, tôn tạo di tích quốc gia Mộ và nhà thờ Trần Cẩm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2024-2025	1811/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	5.000	5.000		150		4.750	4.750	-	-	850	850			1.400			2.250	2.250	-	
19	Xây dựng Hệ thống Đài truyền thanh cơ sở Ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2024-2026	1794/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	44.900	44.900		150		34.400	34.400	-	-	26.300	26.300		-5.600				20.700	20.700	-	
20	Tôn tạo di tích quốc gia Khu Chứng tích Sơn Mỹ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2025-2026	421/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	29.500	29.500		300		11.000	11.000	-	-	8.000	8.000			3.000			11.000	11.000	-	
(5)	Bảo Quảng Ngãi				16.000	16.000	-	200	-	15.400	15.400	-	-	2.000	2.000	-	-	1.400	-	-	3.400	3.400	-	
	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025																							
21	Nâng cấp giao diện trang thông tin điện tử và các ứng dụng phục vụ quản lý nội dung	Bảo Quảng Ngãi	2024-2025	1385/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	7.000	7.000		150		6.700	6.700	-	-	1.000	1.000			700			1.700	1.700	-	
22	Máy chủ FTP truyền file HD/4k và Camera cho phóng viên theo chuẩn HD/4K	Bảo Quảng Ngãi	2024-2025	1386/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	9.000	9.000		50		8.700	8.700	-	-	1.000	1.000			700			1.700	1.700	-	
(6)	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh				287.788	287.788	109.112	-	-	160.900	-	-	160.900	20.000	-	20.000	-	-	-1.000	1.000	20.000	-	20.000	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang																							
23	Kê và Khu dân cư nam sông Vệ	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh	2017-2024	1973/QĐ-UBND, 29/9/2017	185.831	185.831	35.000			149.000	-	-	149.000	20.000		20.000			-1.000		19.000	-	19.000	
24	Khu Tái định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh	2015-2024	312/QĐ-UBND, 29/02/2016	101.957	101.957	74.112			11.900	-	-	11.900	-					1.000	1.000	-	1.000	Kinh đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn sang 2025	

Ghi chú: (*) Nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách cấp tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao và tiết kiệm chi.

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

Danh mục dự án bố trí vốn quyết toán dự án hoàn thành

Nguồn vốn: Xây dựng cơ bản tập trung

(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư/Dự toán	Quyết toán					Lũy kế vốn đã giải ngân	Số phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
					Số Quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó:						
							Vốn Trung ương	Ngân sách tỉnh	Vốn khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG											20.000,000	
I	Bố trí vốn quyết toán đợt này				582.353	543.915,076	0,000	528.993,364	14.921,712	531.665,364	3.202,568	13.697,395	
1	Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	2018-2022	251.410	406/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh	224.758,067		224.758,067		227.774,997	3.120,097	103,187	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 2 (Tinh lộ 623B)	BQL Dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	2018-2023	167.362	637/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND tỉnh	166.235,748		166.235,748		165.229,115	79,093	1.085,726	
3	Trường THPT Phạm Văn Đồng - Nhà hiệu bộ và khôi phục vụ hoạt động chung	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2024	12.626	130/QĐ-STC ngày 23/4/2025 của Sở Tài chính	11.809,765		11.809,765		11.250,000		559,765	
4	Khu di tích Mộ cụ Bùi Tá Hán	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2021-2024	29.900	712/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND tỉnh	27.725,883		27.725,883		26.260,000		1.465,883	
5	Máy chủ FTP truyền hình HD/4K và camera cho phóng viên theo chuẩn HD/4K	Báo Quảng Ngãi	2024	9.000	716/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND tỉnh	8.787,315		8.787,315		8.050,000		737,315	
6	Doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện Sơn Tịnh - Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	2015-2019	18.120	1655/QĐ-UBND ngày 29/6/2023; 201/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Sơn Tịnh	17.578,191		17.578,191		12.460,494	3,378	5.121,076	
7	Trung tâm Văn hóa - Thể thao cho công nhân lao động các khu công nghiệp Quảng Ngãi	Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Ngãi	2017-2024	19.959	2787/QĐ-TLĐ ngày 20/02/2025 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	19.905,616		4.983,904	14.921,712	17.166,805		983,904	Vốn tài chính công đoàn còn phải thanh toán là 1.784,907 triệu đồng
8	Hệ thống tiêu nước nổi các xã Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng huyện Mộ Đức	UBND huyện Mộ Đức	2018-2024	35.000	724/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND tỉnh	33.894,562		33.894,562		30.299,043		3.595,519	
9	Tuyến đường Quốc lộ 1A-Đá Bạc	UBND huyện Mộ Đức	2019-2024	38.976	451/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh	33.219,929		33.219,929		33.174,909		45,020	Quyết toán đợt 1
II	Đã bố trí đợt 1											4.226,314	
III	Bố trí khi các dự án đủ điều kiện (có Quyết định phê duyệt quyết toán)											2.076,291	Trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết khi đủ điều kiện

